BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 3

Tiểu đội 1

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Nguyễn Thị Linh	Phương	26/11/1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
2	Nguyễn Hoàng	Phương	29/09/1994		6	6	7	6.3	Sáu ba	
3	Trần Linh	Phương	26/01/1994		7	5	7	6.3	Sáu ba	
4	Võ Thị Kiều	Phương	19/10/1994		6	5	8	6.3	Sáu ba	
5	Phan Y	Phụng	22/05/1994		6	5	6	5.7	Năm bảy	
6	Trần Kim	Phụng	17/10/1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
7	Lê Kim	Phụng	17/09/1994		6	5	6	5.7	Năm bảy	
8	Trần Nguyễn Hồng	Phúc	04/12/1994		5	5	6	5.3	Năm ba	
9	Trần Ngọc	Quang	21/12/1992		6	6	7	6.3	Sáu ba	
10	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	21/10/1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
11	Dương Mỹ	Quyền	13/11/1994		5	5	7	5.7	Năm bảy	
12	Nguyện Thị Hồng	Sa	12/07/1994		6	5	6	5.7	Năm bảy	
13	Hoàng Thị	Sen	15/01/1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
14	Trần Thị Ngoài	Sinh	03/04/1994		6	5	8	6.3	Sáu ba	
15	Trần Minh	Tân	19/09/1994		6	5	6	5.7	Năm bảy	
16	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	12/09/1994	Thanh	6	5	8	6.3	Sáu ba	
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 3

Tiểu đội 2

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Ngũ Ái	Thanh	18/09/1993		6	5	7	6.0	Sáu không	
2	Nguyễn Thị Diệu	Thanh	31/10/1994		5	6	6	5.7	Năm bảy	
3	Nguyễn Quang	Thái	13/06/1994		7	6	7	6.7	Sáu bảy	
4	Lê Thị Mai	Thảo	08/08/1994		7	5	6	6.0	Sáu bảy	
5	Nguyễn Phương	Thảo	07/08/1994		6	7	9	7.3	bảy ba	✓
6	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/05/1994	nghỉ	/	/	/			
7	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1993		7	5	6	6.0	Sáu không	
8	Quách Thị Ngọc	Thảo	29/08/1994		6	5	6	5.7	Năm bảy	
9	Mai Phương	Thảo	30/10/1994		5	5	6	5.3	Năm ba	
10	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	21/08/1994		5	5	7	5.7	Năm bảy	
11	Phạm Thị Thu	Thảo	28/06/1994		6	5	8	6.7	Sáu bảy	
12	Phạm Thị Thu	Thảo	20/01/1994		6	5	8	6.7	Sáu bảy	
13	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21/08/1994		7	5	7	6.7	Sáu bảy	
14	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/07/1994		5	5	7	5.7	Năm bảy	
15	Trương Thị Phương	Thảo	07/10/1993		6	5	6	5.7	Năm bảy	
16	Nguyễn Thị Bích	Thảo	12/12/1994		7	5	6	6.0	Sáu không	
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 3

Tiểu đội 3

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Nguyễn Thị Vân	Thi	10/09/1994		6	5	5	5.3	Năm ba	
2	Dương Thị Hồng	Thi	01/04/1994		5	6	5	5.3	Năm ba	
3	Hồ Thị	Thiện	03/03/1994		6	5	6	5.7	Năm bảy	
4	Đào Thị	Thư	30/01/1994		6	5	6	5.7	Năm bảy	
5	Phạm Thị Anh	Thư	02/10/1994		6	6	6	6.0	Sáu không	
6	Võ Thị Anh	Thư	02/12/1994		7	6	7	6.7	Sáu bảy	
7	Võ Ngọc Minh	Thu	12/11/1994		5	6	6	5.7	Năm bảy	
8	Lê Vũ Minh	Thư	19/10/1994		6	5	6	5.7	Năm bảy	
9	Hoàng Thị	Thoan	18/05/1994		5	5	7	5.7	Năm bảy	
10	Vương Đức	Thịnh	02/11/1994		6	8	5	6.3	Sáu ba	
11	Trần Thị Minh	Thương	01/07/1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
12	Nguyễn Thy Minh	Thương	11/09/1994		6	5	5	5.3	Năm ba	
13	Nguyễn Thị Kim	Thùy	01/07/1994		5	6	6	5.7	Năm bảy	
14	Lê Thị	Thùy	16/08/1994		7	5	5	5.7	Năm bảy	
15	Trương Thiên	Thúy	16/06/1994		5	6	7	6.0	Sáu không	
16	Phan Thị Thanh	Thủy	02/04/1994		6	6	5	5.7	Năm bảy	
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 3

Tiểu đội 4

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Trần Thị Lệ	Thủy	04/06/1994		7	6	7	6.7	Sáu bảy	
2	Văn Thủy	Tiên	03/09/1994		6	6	6	6.0	Sáu không	
3	Phạm Thị Thủy	Tiên	05/05/1992		5	5	6	5.3	Năm ba	
4	Trần Thị Thủy	Tiên	19/02/1994		5	5	7	5.7	Năm bảy	
5	Trần Thị Cẩm	Tiên	22/01/1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
6	Cao Văn	Tiến	25/03/1993		6	5	7	6.0	Sáu không	
7	Lê Thanh	Toàn	28/08/1994		6	6	7	6.3	Sáu ba	
8	Huỳnh Thị Ngọc Kim	Tươi	22/01/1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
9	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	01/07/1994		6	5	6	5.7	Năm bảy	
10	Nguyễn Thị Bích	Trâm	08/04/1994		6	5	6	5.7	Năm bảy	
11	Phan Thị Ngọc	Trâm	08/10/1993		6	5	8	6.3	Sáu ba	
12	Nguyễn Thị Bích	Trâm	29/04/1994		5	5	7	5.7	Năm bảy	
13	Trần Thị Ngọc	Trâm	20/04/1994		6	6	8	6.7	Sáu bảy	
14	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	30/05/1993		7	5	6	6.0	Sáu không	
15	Nguyễn Thị Huyền	Trân	28/05/1994		6	5	6	5.7	Năm bảy	
16	Mã Minh	Trang	24/11/1994		7	5	6	6.0	Sáu không	
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 3

Tiểu đội 5

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Cao Thị Thùy	Trang	17/08/1993	Trang	5	5	6	5.7.	Năm bảy	
2	Dương Thùy	Trang	13/04/1994		6	6	5	5.7.	Năm bảy	
3	Trần Thị Thu	Trang	22/03/1991		6	7	5	6.0	Sáu không	✓
4	Phạm Thị Thu	Trang	14/06/1994		6	7	6	6.3.	Sáu ba	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	06/11/1994		6	7	6	6.3	Sáu ba	
6	Phùng Thị Thanh	Trang	07/01/1994		7	5	7	6.3.	Sáu ba	
7	Nguyễn Thị Minh	Trang	26/03/1994		6	7	7	6.7.	Sáu bảy	
8	Phạm Thị Thùy	Trang	02/02/1993		9	8	9	8.7	Tám bảy	
9	Võ Thị Thu	Trang	08/10/1994		5	5	8	6.0.	Sáu không	
10	Trần Thị Thùy	Trang	26/11/1994		5	6	6	5.7.	Năm bảy	
11	Nguyễn Việt	Trinh	17/10/1994		6	7	8	7.0	bảy không	
12	Cao Thị Mỹ	Trinh	25/07/1994		5	5	7	5.7	Năm bảy	
13	Trần Ngọc	Trinh	06/04/1994		5	5	6	5.3	Năm ba	
14	Võ Thị Yến	Trinh	03/08/1994		7	8	5	6.7	Sáu bảy	
15	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	18/04/1994		7	5	6	6.0	Sáu không	
16	Huỳnh Thị	Tròn	09/09/1993		7	5	7	6.3	Sáu ba	
17	Nguyễn Ngọc	Khánh	29/09/1993		7	8	5	6.7.	Sáu bảy	
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 3

Tiểu đội 6

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Nguyễn Thị Thủy	Trúc	28/7/1994		6	6	8	6.7	Sáu bảy	
2	Phan Thanh	Trúc	21/10/1994		7	6	8	7.0	bảy không	
3	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	24/04/1994		7	5	7	6.3	Sáu ba	
4	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	18/12/1994		5	5	8	6.0	Sáu không	
5	Trang Quốc	Tuấn	18/06/1993		7	8	7	7.3	bảy ba	
6	Trần Thị Cẩm	Thu	16/03/1993		5	6	8	6.3	Sáu ba	
7	Bùi Anh	Tú	30/09/1994		6	6	8	6.7	Sáu bảy	
8	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	28/03/1994		6	5	6	5.7	Năm bảy	
9	Đinh Thị Thanh	Tuyền	31/05/1994		5	5	7	5.7	Năm bảy	
10	Lê Thị Ngọc	Tuyền	03/11/1994		6	5	8	6.3	Sáu ba	
11	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	17/11/1994		6	6	8	6.7	Sáu bảy	
12	Bùi Thị Minh	Ty	11/08/1994		5	5	8	6.0	Sáu không	
13	Lê Thị Kim	Uyên	12/12/1994		6	7	8	7.0	bảy không	
14	Kiều Thị Thúy	Vân	30/08/1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
15	Nguyễn Thị	Vân	18/04/1994		7	5	7	6.3	Sáu ba	
16	Hồ Thị Xuân	Vi	07/10/1994		6	6	7	6.3	Sáu ba	
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 3

Tiểu đội 7

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Lê Huyền	Vi	18/06/1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
2	Trần Thiện	Vũ	12/11/1993		6	7	8	7.0	bảy không	
3	Trần Thúy	Vy	22/02/1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
4	Nguyễn Thị Ái	Vy	19/10/1994		6	5	8	6.3	Sáu ba	
5	Lê Nguyễn Thùy	Vy	14/07/1994		6	6	8	6.7	Sáu bảy	
6	Trần Thanh	Xuân	27/11/1994		6	5	8	6.7	Sáu bảy	
7	Huỳnh Kim Anh	Xuân	18/10/1994		5	6	7	6.0	Sáu không	
8	Lữ Thị Thanh	Xuân	09/01/1994		7	7	6	6.7	Sáu bảy	
9	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	16/06/1994		5	5	5	5.0	Năm không	
10	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	20/03/1994		6	6	6	6.0	Sáu không	
11	Hồ Hải	Yến	07/11/1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
12	Trần Kim	Yến	20/11/1994		5	7	6	6.0	Sáu không	
13	Đặng Thị Mỹ	Yên	10/09/1994							
14	Lê Như	Ý	24/12/1994		5	7	6	6.0	Sáu không	
15	Nguyễn Thị Như	Ý	19/06/1993		6	5	7	6.0	Sáu không	
16	Nguyễn Thị Lan	Hảo	18/06/1994		7	5	8	6.7	Sáu bảy	
17										
18										
19										
20										

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
KHÓA 14 (2012 - 2015)
NGÀNH: KẾ TOÁN

Đại đội 3

Tiểu đội 8

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM SỐ				ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
					HP1	HP2	HP3	TBC		
1	Nguyễn Thị Trúc	Anh	24/08/1994		5	7	6	6.0	Sáu không	
2	Nguyễn Thị Minh	Duyên	13/01/1994	Vắng nghỉ	/	/	/			✓
3	Vy Tú	Duyên	24/08/1993		7	6	6	6.3	Sáu ba	
4	Phạm Thị	Hà	20/10/1994		6	6	7	6.3	Sáu ba	
5	Nguyễn Thị Thu	Hồng	02/08/1994		7	6	6	6.3	Sáu ba	
6	Phạm Thị	Khương	06/07/1994	Vắng nghỉ	/	/	/			✓
7	Trần Lệ	Mạnh	03/11/1994		5	5	7	5.7	Năm bảy	
8	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	14/06/1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
9	Nguyễn Trần Hoài	Phương	19/11/1994		6	6	8	6.7	Sáu bảy	
10	Trần Thị	Quyên	01/07/1994		5	6	7	6.0	Sáu không	
11	Nguyễn Thị	Quyên	10/04/1994		7	5	7	6.3	Sáu ba	
12	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/09/1994		6	7	7	6.7	Sáu bảy	
13	Lê Thị Thu	Thảo	10/10/1994		5	5	7	5.7	Năm bảy	
14	Nguyễn Thị Trúc	Thư	28/04/ 1994		6	5	7	6.0	Sáu không	
15	Nghiêm Thị Hoài	Thu	05/03/1994		7	5	7	6.3	Sáu ba	
16	Võ Việt	Trinh	17/04/1993		6	5	8	6.3	Sáu ba	
17	Trương Thị Kim	Xuân	12/11/1994		6	6	8	6.7	Sáu bảy	
18										
19										
20										